

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/12/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quốc Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thúy C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà C và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022, bản khai nguyên đơn Bà Lâm Thúy C trình bày:

Bà và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống rất hạnh phúc nhưng từ năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà và ông T thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Bà nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông T có 02 con chung là Võ Văn N, sinh ngày 13/10/1996 và Võ Văn Q, sinh ngày 19/3/1999 đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà và ông T không có.

Theo bản khai đề ngày 07/12/2022 bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông và bà Lâm Thúy C đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ông và bà C chung sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ tháng 5/2021. Nay bà C xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Giữa ông và bà C có 02 con chung đúng như lời trình bày của bà C. Các con của ông bà đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về tài sản chung: Ông và bà C tự thỏa thuận, không tranh chấp.

Về nợ chung: Ông và bà C không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thúy C và bị đơn ông Võ Văn T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Lâm Thúy C và ông Võ Văn T chung sống với nhau từ năm 1995. Bà C và ông T đều thống nhất là hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, có căn cứ để xác định bà C và ông T chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Bà C và ông T đều thừa nhận khoảng hơn 1 năm nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà C xin được ly hôn, ông T cũng đồng ý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do vậy, mặc dù bà C có yêu cầu xin được ly hôn nhưng Tòa không công nhận bà C và ông T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giữa bà C và ông T có 02 con chung là Võ Văn N, sinh ngày 13/10/1996 và Võ Văn Q, sinh ngày 19/3/1999 đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà C và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thúy C và ông Võ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giữa bà C và ông T có 02 con chung là Võ Văn N, sinh ngày 13/10/1996 và Võ Văn Q, sinh ngày 19/3/1999 đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống.

Về tài sản chung: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà C và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thúy C phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Do bà C đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011129 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm nên được khấu trừ. Bà C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Gấm**